TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11- 06 - 2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Ông Phan Thế Hùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Thanh B**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Đường B1, tổ 09, phường T1, thành phố T2, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường B1, tổ 09, phường T1, thành phố T2, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: đường C, quận G, thành phố C1, Đài Loan.

(Anh B, chị T vắng mặt, đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2021 và lời khai của Nguyên đơn – anh Phạm Thanh B trong quá trình tố tụng thì anh B yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T và trình bày cụ thể như sau:

Anh Phạm Thanh B và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố T2, tỉnh Thái Bình vào ngày 13/11/2002. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai anh chị đều làm nghề tự do, thu nhập thấp và không ổn định, sinh 02 con nên kinh tế gia đình rất khó khăn. Năm 2010, chị T đi lao động tại Đài Loan. Đầu năm 2017, chị T về Việt Nam nhưng tình cảm vợ chồng xa cách, tính cách và quan điểm sống hai bên đều thay đổi nên anh chị thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, đến tháng 6/2017, anh chị ly thân, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã bán nhà và phân chia tài sản, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Cuối năm 2017, chị T tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, không bàn bạc gì với anh, vợ chồng chấm dứt mọi mối quan hệ. Thời gian gần đây, anh và chị T có liên lạc với nhau nhưng chỉ để bàn bạc việc ly hôn. Đến nay, anh B xác định anh chị không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau, hai bên không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Phạm Thùy N, sinh ngày 10/6/2003 và Phạm Ngân G1, sinh ngày 04/7/2009. Hiện nay, con N đã trưởng thành, đang làm công nhân Công ty may V tại thành phố Thái Bình, tự lo cuộc sống riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con G1 từ khi chị T đi nước ngoài thì do mẹ đẻ chị T là bà Vũ Thị N1, địa chỉ: thôn V1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đề nghị giao con Phạm Ngân G1 cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Do điều kiện công việc bận mải, anh B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

***/ Tại Bản tự khai đề ngày 06/4/2021 gửi từ Đài Loan đến Tòa án, Bị đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Về thời gian, thủ tục kết hôn, về quá trình chung sống vợ chồng, về thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Phạm Thanh B như anh B trình bày là đúng. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Phạm Thùy N, sinh ngày 10/6/2003 và Phạm Ngân G1, sinh ngày 04/7/2009. Con N đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con G1, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Chị ủy quyền cho mẹ đẻ chị là bà Vũ Thị N1, địa chỉ: thôn V1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình chăm sóc con G1 thay chị trong thời gian chị ở nước ngoài.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Do chị T đang lao động tại Đài Loan không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

***/ Bà Vũ Thị N1, sinh năm 1953, nơi cư trú: thôn V1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ chị T) trình bày:** Chị T và anh B ký kết hôn với nhau năm 2002. Khoảng năm 2010, chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thỉnh thoảng bà thấy chị T và anh B có xảy ra xích mích, cãi vã. Đỉnh điểm là vào năm 2015, chị T gửi tiền về cho gia đình nhà chồng, bà không rõ lý do vì sao nhưng hai vợ chồng cãi nhau rất lớn. Bà đã khuyên nhủ hai anh chị nhiều lần để đoàn tụ nuôi dạy con cái, nhưng chị T nói anh B có lần còn đánh đập chị T, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Hiện nay anh B xin ly hôn chị T, chị T đồng ý. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B, chị T được ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

Anh B, chị T có hai con chung là Phạm Thùy N, sinh năm 2003 và cháu Phạm Ngân G1, sinh năm 2009. Hiện nay cháu N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Cháu G1 hiện do bà nuôi dưỡng. Chị T có nói với bà nếu ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con G1 cho chị T nuôi dưỡng, chị T ủy quyền cho bà chăm sóc cháu G1 trong thời gian chị T ở nước ngoài, bà đồng ý. Bà N1 cam kết sẽ có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G1 trong thời gian chị T ở nước ngoài. Bà N1 không yêu cầu chị T, anh B thanh toán tiền để nuôi dưỡng cháu G1.

Anh B, chị T không có tài sản chung gì, cũng không có đóng góp gì vào tài sản của bà.

***/ Cháu Phạm Ngân G1, sinh ngày 04/7/2009** (con của anh B, chị T) trình bày nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ và bà ngoại để đảm bảo ổn định việc sinh hoạt và học tập.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã gửi văn bản trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án, do vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Phạm Thanh B và chị Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Phạm Thanh B được ly hôn chị Nguyễn Thị T; Xử giao con chung Phạm Ngân G1, sinh ngày 04/7/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Mẹ chị T tự nguyện chăm sóc cháu G1 giúp chị T trong

thời gian chị T ở nước ngoài. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Anh B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án anh Phạm Thanh B xin ly hôn chị Nguyễn Thị T theo thủ tục chung, anh B đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ. Anh B có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn – chị Nguyễn Thị T cũng gửi từ Đài Loan đến Tòa án bản tự khai và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Thanh B và chị Nguyễn Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2003, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh B và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn. Năm 2010, chị T đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2017, chị T về nước, hai vợ chồng chung sống với nhau nhưng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và tính cách. Anh B, chị T xác nhận, từ cuối năm 2017 đến nay anh chị đã sống ly thân, đã bán nhà, tự phân chia tài sản chung, hai bên không còn quan tâm tới nhau, không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống. Như vậy, hôn nhân của anh B và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng đã chấm dứt trên thực tế. Cần chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Thanh B, xử cho anh B được ly hôn chị T là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh B và chị T có 02 con chung, con N đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên anh B, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con G1, anh chị thống nhất giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thực tế con G1 hiện do mẹ đẻ của chị T là bà Vũ Thị N1 trực tiếp nuôi dạy, bà N1 nhất trí tiếp tục nuôi dạy con G1 giúp chị T. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao con G1 cho chị T nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T ủy quyền cho mẹ đẻ chị giúp chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con G1 trong thời gian chị T lao động ở nước ngoài. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh B, chị T đều trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Phạm Thanh B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Thanh B được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

[2] Về quan hệ con chung: Con Phạm Thùy N đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết. Xử giao con Phạm Ngân G1, sinh ngày 04/7/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T ủy quyền cho mẹ là bà Vũ Thị N1, sinh năm 1953, nơi cư trú: thôn V1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Ngân G1 đến khi chị T về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; anh B, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Phạm Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng anh B đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005037 ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh B, chị T. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.